

Bản án số: 58/2024/DS-ST

Ngày: 14 – 5 - 2024

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đạo

Ông Trần Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trương Thị L**, sinh năm: 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Long Hòa 1, xã L, huyện B, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Phạm Quang H, sinh năm: 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh T.

Tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền đề ngày 24/5/2023.

- Bị đơn:

1. Trương Văn U, sinh năm: 1962 (Vắng mặt)

2. Lê Thị Thu T, sinh năm: 1959 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 12/3/2024 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quang H trình bày:

Ngày 20/5/2020 nguyên đơn bà Trương Thị L có cho vợ chồng bà Lê Thị Thu T và ông Trương Văn U vay số tiền 200.000.000 đồng, các bên có làm biên bản mượn tiền và vợ chồng bà T, ông U có ký tên, viết đầy đủ họ tên dưới mục

bên mượn tiền. Cho vay không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 03 tháng. Khi đến hạn trả nợ, vợ chồng bà T, ông U không có trả tiền vay cho bà L, bà L đã nhiều lần đòi nợ nhưng không trả tiền.

Nay nguyên đơn bà Trương Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Lê Thị Thu T và ông Trương Văn U phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền vay 200.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 20/8/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quang H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại biên bản lấy lời khai, bản tự khai, biên bản hòa giải đề ngày 12/3/2024 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn bà Lê Thị Thu T trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà có vay tiền của bà Trương Thị L số tiền vay là 200.000.000 đồng. Vay tiền các bên có làm biên bản mượn tiền đề ngày 20/5/2020 do bà L soạn thảo mẫu sẵn đem đến, bà tự viết vào những chỗ trống từ trên xuống và vợ chồng bà có ký tên, viết họ tên vào biên bản. Thời hạn vay là 03 tháng, giấy không có ghi thỏa thuận lãi suất nhưng thực tế có trả lãi suất, nhưng không có làm biên nhận, vợ chồng bà có trả dần cho L số tiền vốn vay hằng tháng 1.000.000 đồng, đã trả được 17 tháng số tiền 17.000.000 đồng. Các lần trả tiền vay có ký nhận trả tiền vào sổ của bà L và sổ này bà L giữ, vợ chồng bà không có giữ. Hiện nay vợ chồng bà còn nợ bà Trương Thị L số tiền vốn vay chưa trả 183.000.000 đồng, xin trả dần số tiền nợ này hằng tháng là 1.000.000 đồng đến khi hết nợ, không đồng ý trả lãi suất vì hai bên không có thỏa thuận trả lãi suất.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải đề ngày 12/3/2024, bị đơn ông Trương Văn U trình bày:

Ông thừa nhận vợ chồng ông có vay tiền của bà Trương Thị L số tiền vay là 200.000.000 đồng. Vợ chồng ông đã trả được cho bà L số tiền 17.000.000 đồng, còn nợ lại 183.000.000 đồng, xin trả dần số tiền nợ này hằng tháng là 1.000.000 đồng đến khi hết nợ, không đồng ý trả lãi suất.

Ông Trương Văn U có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 12/3/2024.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán phân công giải quyết án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà T, ông U phải liên đới trả cho bà L số tiền nợ vay 200.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 21/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị L yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Thu T và ông Trương Văn U phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Liễu số tiền vay 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào biên bản mượn tiền lập ngày 20/5/2020 (Bút lục số 02) thể hiện số tiền vay 200.000.000 đồng do nguyên đơn bà L cung cấp. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn bà T và ông U hoàn toàn thừa nhận có vay tiền của bà L số tiền 200.000.000 đồng, có ký tên và viết đầy đủ họ và tên dưới mục bên mượn tiền. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận, khẳng định giữa bà L với bà T, ông U có quan hệ giao dịch vay tiền, bà L không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn bà T khai vợ chồng bà đã có trả được cho bà L nhiều lần số tiền vốn vay là 17.000.000 đồng, chỉ còn nợ bà L số tiền vốn vay đến nay chưa trả là 183.000.000 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà L không thừa nhận điều này và bà T, ông U không có giấy tờ, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày này của ông bà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không thể xem xét giải quyết cho ông U, bà T là hoàn toàn phù hợp. Số tiền vay 200.000.000 đồng đến nay, bà T, ông U chưa trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu bà T, ông U phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 200.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, 466, 470, 288 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu trả lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày 20/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 14/3/2024) của nguyên đơn bà L. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ lúc nhận tiền vay đến nay phía bị đơn bà T, ông U không có trả vốn, các bên có thỏa thuận thời gian trả vốn là 03 tháng nhưng sau 03 tháng bà T, ông U không trả vốn cho nguyên đơn bà L là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người vay theo Điều 357, 468 Bộ luật dân sự. Thời gian và mức lãi suất nguyên đơn bà L yêu cầu phải trả là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi suất bà T, ông U phải trả cho bà L được tính như sau:

$200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 44 \text{ tháng} = 74.368.000 \text{ đồng}.$

[3] Tổng cộng tiền vốn gốc và lãi suất phải trả cho nguyên đơn là 274.368.000 đồng (Gồm tiền vốn gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi suất 74.368.000 đồng).

[4] Nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu bà T và ông U cùng liên đới trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T và ông U là vợ chồng hợp pháp, số tiền nợ vay được hình thành thành trong thời kỳ hôn nhân giữa T và ông U. Ông bà đồng ý cùng liên đới trả nợ cho bà L. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T và ông U cùng liên đới trả tiền nợ vay và lãi suất là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T và ông U phải có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền nợ vay và lãi suất nêu trên cho nguyên đơn bà L là đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bà T và ông U xin trả dần số tiền nợ nêu trên hằng tháng nhưng không được phía người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà L chấp nhận, các bên cũng không có thỏa thuận này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là chưa hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên chỉ chấp nhận 01 phần.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà T và ông U là người cao tuổi, ông bà có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí đề ngày 14/5/2024. Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà T và ông U được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị L đối với bị đơn bà Lê Thị Thu T và ông Trương Văn U.

2. Buộc bà Lê Thị Thu T và ông Trương Văn U phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Trương Thị L số tiền nợ vay 274.368.000 đồng (Hai trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) (Gồm tiền vốn gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi suất 74.368.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lê Thị Thu T và ông Trương Văn U là người cao tuổi được miễn nộp án phí.

Hoàn trả lại cho bà Trương Thị L 6.374.998 đồng (Sáu triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000618 ngày 29/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn bà Lê Thị Thu T trong vụ án có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Trương Văn U vắng mặt tại phiên tòa Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương